

TRÍCH ĐOẠN

Đề tài “Dấu hiệu nhận biết giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố qua hệ thống ngân hàng: Thực trạng và giải pháp cho Việt Nam”

Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thị Minh Thơ - Phó Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NHẬN BIẾT GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ LIÊN QUAN ĐẾN TTKB VÀ XÂY DỰNG CÁC DẤU HIỆU ĐÁNG NGỜ ÁP DỤNG CHO HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Nhận biết dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTKB qua hoạt động ngân hàng

3.1.1. Dấu hiệu TTKB liên quan đến hành vi khách hàng

Trong hầu hết các trường hợp, rất khó nhận dạng hành vi liên quan đến TTKB nếu không có thông tin bổ sung từ các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm các cảnh báo hoặc vụ việc cụ thể. Mặc dù trong một số trường hợp, các cơ quan có thẩm quyền thường không thể trao đổi thông tin cụ thể với các tổ chức tài chính về những cá nhân có liên quan đến cuộc điều tra về TTKB cho đến khi quá trình điều tra kết thúc nhưng các cơ quan có thẩm quyền sẽ chia sẻ thông tin để ngăn chặn các hành vi khủng bố.

Các vấn đề cần phải xem xét bao gồm:

- Các cá nhân trước đây đã bị buộc tội khủng bố hay có liên quan đến khủng bố.
- Các cá nhân được biết đến hay bị nghi ngờ (ví dụ như đang trong quá trình điều tra) là có tham gia vào hành vi khủng bố hay là những kẻ khủng bố nước ngoài.

– Các mạng thông tin xã hội đưa tin hỗ trợ hoặc xúi giục chủ nghĩa quá khích hay chủ nghĩa cực đoan bạo lực.

– (Các) số điện thoại di động được biết đến hay có nghi ngờ do những kẻ khủng bố hay tình nghi sử dụng.

– Bất kỳ chi tiết nào về những người cô vũ, ủng hộ hay trợ giúp ngầm cho kẻ khủng bố.

Dưới đây là các dấu hiệu rủi ro bổ sung liên quan đến hành vi của khách hàng tại thời điểm thiết lập mối quan hệ kinh doanh, những dấu hiệu này có thể được coi là những dấu hiệu rủi ro liên quan đến TTKB:

– Chống lại các chuẩn mực văn hóa của một quốc gia nơi khách hàng đang thực hiện giao dịch, ví dụ như những cố gắng đáng chú ý của khách hàng nhằm tránh tiếp xúc cá nhân với bất kỳ một nhân viên ngân hàng nào (ví dụ như từ chối tiếp xúc với nhân viên nữ).

– Hành vi ứng xử cho thấy sự trung thành đối với các quan điểm cực đoan, quá khích hay thể hiện rõ xu hướng bạo lực (ví dụ như các hồ sơ về luồng thông tin xã hội trong đó đăng tải nhiều thông tin liên quan đến hoặc ủng hộ các tổ chức khủng bố).

– Xuất trình các tài liệu nhận dạng dễ nhận thấy có sự giả mạo hay còn mới (ví dụ như tem giả hay ảnh giả, ảnh đè lên dấu, ngày phát hành không phù hợp với tình trạng hư hỏng của tài liệu).

– Những khách hàng mới có các câu hỏi quá mức đối với nhân viên ngân hàng liên quan đến yêu cầu báo cáo, tiết lộ thông tin, ngưỡng báo cáo hay yêu cầu lưu giữ hồ sơ.

– Những khách hàng mới miễn cưỡng cung cấp thông tin.

– Những khách hàng thay mặt cho các cá nhân khác thực hiện giao dịch.

– Tài khoản do nhiều người không có mối liên quan ngành nghề hay cá nhân với nhau hay không liên quan đến chủ tài khoản cùng nắm giữ hay sử dụng.

- Cá nhân mở nhiều tài khoản (ví dụ như tài khoản ngân hàng, thẻ trả trước, ví điện tử...) với mục đích để nhận và/hoặc gửi các khoản tiền từ thiện có giá trị nhỏ.
- Cá nhân mở tài khoản chỉ dành cho mục đích nhận một hay nhiều khoản chuyển tiền và rút hoặc chuyển các khoản tiền đó cho những cá nhân khác.
- Đăng ký tạm trú và/hoặc thay đổi địa chỉ thường xuyên và/hoặc có vẻ không liên quan đến nghề nghiệp đã khai báo.
- Sử dụng lặp lại cùng địa chỉ, cùng số điện thoại và các thông tin khác (như nghề nghiệp) trên nhiều tài khoản có vẻ không liên quan đến nhau được mở dưới các tên khác nhau.
- Mở các tài khoản ở những vùng bên ngoài nơi khách hàng sống hay làm việc mà không có mục đích sử dụng thích hợp.

3.1.2. Dấu hiệu TTKB liên quan đến sản phẩm dịch vụ

Giống như các cách phân loại các dấu hiệu rủi ro khác, rủi ro TTKB liên quan đến sản phẩm, dịch vụ có biên độ rộng, đa dạng và không dễ thiết lập quy tắc nhận dạng.

3.1.2.1. Hệ thống chuyển tiền giá trị và dịch vụ chuyển tiền

Dịch vụ chuyển tiền giá trị (MVTs) theo định nghĩa của FATF là các dịch vụ tài chính bao gồm tiền mặt, séc, các công cụ tiền tệ khác hay vật lưu trữ giá trị khác được chấp nhận và thanh toán bằng một khoản tương ứng dưới dạng tiền mặt hay dạng khác cho người thụ hưởng dưới hình thức chuyển một thông tin, tin nhắn, hay thông qua hình thức thanh toán bù trừ mà người cung cấp dịch vụ MVTs này là một bộ phận tham gia. Các giao dịch được thực hiện thông qua những dịch vụ này có thể liên quan đến một hay nhiều tổ chức trung gian và liên quan tới việc thanh toán cuối cùng của bên thứ ba và có thể bao gồm bất kỳ một phương thức thanh toán nào.

Theo đó, MVTs có các dấu hiệu TTKB như sau:

Dấu hiệu về số lượng và tần suất của giao dịch

- Số lượng giao dịch lớn do một cá nhân thực hiện ở nhiều địa điểm khác nhau.
- Gia tăng đột biến số lượng giao dịch của nhiều cá nhân tại một địa điểm đại lý duy nhất, được thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn.
- Việc gia tăng số lượng giao dịch không liên quan đến khuôn mẫu thông thường đã biết (ví dụ: chuyển tiền lương hoặc nhân dịp đón mừng lễ kỷ niệm văn hóa).
- Các giao dịch đến/từ những thành phố được xác định là đang tiếp nhận một số lượng tiền chuyển đến ngày càng tăng lên và/hoặc các khoản tiền tài trợ giữa thời kỳ trước khủng hoảng và thời kỳ đang diễn ra xung đột.

Dấu hiệu về mạng lưới khách hàng nhiều người - đến một người và một người - đến nhiều người

- Một số lượng lớn các cá nhân giao dịch với nhiều quốc gia.
- Cùng một khách hàng gửi tiền cho nhiều người thụ hưởng trong một vùng lãnh thổ có rủi ro cao.
- Các khoản tiền giá trị nhỏ chuyển qua biên giới được gửi đi hoặc nhận về với tần suất liên tục từ những người không có liên quan.
- Nhiều người gửi chuyển tiền cho một cá nhân duy nhất, với vai trò là người nhận "Bên thứ ba".
- Cùng một cá nhân nhận tiền từ các công ty chuyển tiền khác nhau hoặc các đại lý MVTs khác nhau.

Các dấu hiệu khác

- Khách hàng có vẻ biết được số tiền nào đang được chuyển chỉ sau khi nhân viên của hệ thống chuyển tiền giá trị (MVTs) đã kiểm đếm xong tiền mặt.
- Khách hàng thường không quan tâm đến chi phí chuyển tiền.
- Giao dịch chuyển tiền không bao giờ đến được người thụ hưởng, người này giả thiết là đã chết.

3.1.2.2. Tiền mặt và các máy rút tiền tự động (ATM)

Một vài dấu hiệu liên quan đến tiền mặt và các máy ATM đã được FATF nghiên cứu bao gồm:

- Rút tiền mặt bất ngờ, khoảng tương ứng với số dư tài khoản hiện tại, biến minh bằng nhu cầu đi nước ngoài.
- Khách hàng yêu cầu rút tiền mặt của quỹ chuyển vào tài khoản cá nhân của mình trong khoảng thời gian ngắn sau khi giao dịch ban đầu thực hiện.
- Khách hàng yêu cầu thanh toán bằng tiền mặt trên số dư tài khoản của mình.
- Cơ cấu tiền gửi bằng tiền mặt với các giao dịch nhỏ dưới ngưỡng qui định để tránh phải báo cáo.
- Cơ cấu rút tiền mặt với nhiều giao dịch rút tiền mặt liên tiếp trong ngày từ một ATM duy nhất hoặc từ nhiều máy ATM tại một địa điểm gần đó.
- Rút tiền mặt bằng thẻ ghi nợ, trong cùng một ngày hoặc các ngày khác nhau, ở các nước khác nhau.
- Lượng tiền nhỏ được gửi thường xuyên vào tài khoản cá nhân (tài khoản được sử dụng để thu các khoản tài trợ) và được rút ra luôn ngay sau đó.
- Gửi khoản tiền mặt lớn, sau đó chuyển tiền quốc tế có giá trị thấp dưới ngưỡng báo cáo.
- Cơ cấu tiền gửi vào một tài khoản từ bên thứ ba, sau đó rút ngay tiền từ máy ATM ở nước ngoài trong khu vực quá cảnh hoặc vùng lãnh thổ có rủi ro cao.
- Nhiều tài khoản cá nhân đột nhiên thay đổi hoạt động giao dịch như số lượng giao dịch tăng, tiền gửi lớn được thực hiện qua ATM và sau đó lặp đi lặp lại việc vắn tin số dư qua điện thoại và sau đó rút một lượng tiền lớn thông qua máy ATM.

3.1.2.3. Thẻ tín dụng

Giống như các khách hàng của ngân hàng, nhiều khách hàng dùng thẻ tín dụng được đánh giá và xếp loại mức độ rủi ro trên cơ sở phân tích các yếu tố.

Người xin mở thẻ hoặc chủ tài khoản thẻ tín dụng có thể phải cập nhật thông tin khách hàng khác nhau tùy thuộc vào mức độ rủi ro của mình. Ngoài ra, một số sản phẩm hoặc dịch vụ có thể là đối tượng phải cập nhật thông tin khách hàng tăng cường hoặc không được áp dụng ở một số nước hoặc một số khách hàng nhất định. Vị trí địa lý của người xin mở thẻ hoặc khách hàng là yếu tố đầu tiên của quá trình đánh giá rủi ro nhưng sau đó có thể có sự điều chỉnh dựa trên việc đánh giá những yếu tố rủi ro cá nhân khác. Một số dấu hiệu để nhận dạng bao gồm:

- Việc ứng trước tiền mặt được lặp lại và thực hiện tại các quốc gia có vùng biên giới tranh chấp hoặc ở quốc gia nằm trên tuyến đường tới khu vực có xung đột.
- Thanh toán bằng thẻ tín dụng tại một số quốc gia khi quá cảnh (ví dụ, thanh toán mua xăng dầu, lệ phí sử dụng đường giao thông hoặc tại một địa điểm gần sân bay).
- Các khoản ứng trước tiền mặt có giá trị lớn phát sinh trên thẻ tín dụng được phát hành gần đây.
- Ứng trước tiền mặt bằng thẻ tín dụng nhưng thường không thanh toán ngay sau đó.
- Độ tín nhiệm của khách hàng là tiêu chí để tăng hạn mức thẻ tín dụng.
- Đề nghị tăng hạn mức thẻ tín dụng trước khi bắt đầu chuyến du lịch.
- Thiếu thông tin về sự thay đổi trong việc sử dụng thẻ tín dụng sau khi có chuyến bay đến khu vực có xung đột (ví dụ: thẻ được sử dụng trong nước bởi một người thứ ba).
- Bất ngờ sử dụng thẻ tín dụng trong vùng lãnh thổ có nguy cơ rủi ro cao (ví dụ: tăng rút tiền mặt) khi việc sử dụng này không được thực hiện trước đó vài tháng.

- Chỉ sử dụng thẻ tín dụng trong trường hợp nhận và thực hiện các giao dịch giữa các cá nhân, trong khi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ lại không được sử dụng (ví dụ: cá nhân thực hiện mua bán tại các cửa hàng).

- Sử dụng thẻ tín dụng được đăng ký theo tên của bên thứ ba.

3.1.2.4. Các khoản vay cá nhân và ngân hàng

Các dấu hiệu nhận dạng như sau:

- Khách hàng vay vốn ngân hàng bằng tiền mặt và có xu hướng không trả nợ.
- Khách hàng sử dụng tiền từ các khoản vay ngân hàng không đúng với mục đích đã công bố.

- Khách hàng xin vay cá nhân với giá trị lớn và ngay sau đó giải ngân phần lớn bằng tiền mặt.

- Giải ngân khoản vay có giá trị nhỏ tại nhiều công ty cho vay/các tổ chức tín dụng và không thực hiện hoàn trả.

- Khoản vay đã giải ngân có những dấu hiệu cho thấy các cá nhân có thể bỏ trốn ra nước ngoài (ví dụ: dựa trên cơ sở các báo cáo thu nhập giả mạo).

- Thực hiện khoản vay thường xuyên bằng cách sử dụng các mặt hàng có giá trị cao làm tài sản thế chấp.

- Đơn xin vay vốn cho thấy những điều không phù hợp với thực trạng tình hình kinh tế và tài chính người xin vay vốn.

- Bên thứ ba không liên quan hành động với vai trò là người bảo lãnh cho người đi vay.

- Hồ sơ xin vay vốn giả mạo với mục đích mua hàng hóa mà dường như người đi vay không sử dụng hàng hóa này (ví dụ: mua một chiếc xe hoặc thiết bị gia dụng).

3.1.2.5. Chuyển đổi tiền tệ

Một số dấu hiệu được xác định là có liên quan đến dịch vụ này bao gồm:

- Thiếu thông tin liên quan đến mục đích của cá nhân và thông tin về nguồn tiền.
- Khách hàng đến ngân hàng đổi một lượng lớn ngoại tệ sang đồng nội tệ và mở một tài khoản bằng đồng nội tệ tại một ngân hàng khác gần biên giới giáp với khu vực có xung đột.
- Đổi một lượng lớn tiền mặt sang tiền có mệnh giá lớn.
- Các giao dịch chuyển đổi tiền diễn ra trong thời gian ngắn sau khi có sự chuyển tiền quốc tế đến các vùng lãnh thổ có rủi ro cao.
- Mạng lưới chuyển đổi tiền tệ quốc tế - thương mại quốc tế giữa các công ty chuyển đổi tiền tệ khác nhau cư trú tại các vùng lãnh thổ có rủi ro cao.
- Mạng lưới quốc tế bao gồm các công ty chuyển đổi tiền tệ và các tổ chức thương mại đang cư trú tại các vùng lãnh thổ có rủi ro cao: hệ thống thanh toán bù trừ và thanh toán không chính thức giữa tiền mặt và hàng hóa, không có sự di chuyển qua biên giới.
- Chuyển đổi tiền ở nước ngoài mà tiền đó đã bị nghi ngờ là tiền giả.
- Các quầy đổi tiền chưa đăng ký thực hiện cơ chế thanh toán đối ứng cân bằng (counterbalancing) với các quầy đổi tiền đã đăng ký có tài khoản tại ngân hàng.
- Quầy đổi tiền tham gia bán đấu giá đô la do Ngân hàng Trung ương tổ chức với số lần thường nhiều hơn mức độ cần thiết đối với quy mô hoạt động của quầy đổi tiền đó.

3.1.2.6. Sản phẩm và dịch vụ thanh toán mới

Hướng dẫn của FATF về cách tiếp cận trên cơ sở rủi ro đối với thẻ trả trước, thanh toán qua điện thoại di động và dịch vụ thanh toán qua Internet (2013) đã xác định một loạt yếu tố rủi ro có thể giúp cho việc xác định các rủi ro về rửa tiền/TTKB liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ thanh toán mới. Giá trị có thể được lưu trữ kỹ thuật số trong nhiều sản phẩm thanh toán (ví dụ: ví điện tử, thẻ trả trước, thanh toán qua điện thoại di động) và được kết nối với nhau để thực hiện

giao dịch. Những sản phẩm này có thể được sử dụng cho các giao dịch mua bán và giao dịch thương mại, đồng thời cũng được sử dụng chuyển các khoản tiền giữa các cá nhân trong phạm vi quốc tế.

Các sản phẩm và dịch vụ mới được nhiều nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác nhau quản lý. Trong trường hợp các tổ chức phi tài chính quản lý những sản phẩm này, các yêu cầu về thẩm định khách hàng có thể không chặt chẽ và vì vậy, có thể gây ra tổn thương lớn hơn về TTKB.

Thanh toán qua Internet

Dịch vụ thanh toán qua Internet cung cấp cơ chế cho khách hàng tiếp cận qua Internet bao gồm qua điện thoại thông minh, các tài khoản được nạp tiền trước có thể được sử dụng để chuyển tiền điện tử hoặc chuyển giá trị được nắm giữ trên những tài khoản này cho các cá nhân hoặc doanh nghiệp khác cũng mở tài khoản với cùng một nhà cung cấp.

- Một cá nhân sử dụng nhiều hồ sơ tài chính (ví dụ như ví điện tử) để đăng ký với các hệ thống thanh toán.

- Đăng ký ví điện tử từ một vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao.

- Bổ sung tài khoản từ một vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao.

- Chuyển tiền từ xa từ ví điện tử đến tài khoản của bên thứ ba mở ở một vùng lãnh thổ khác (chuyển tiền từ cá nhân đến cá nhân).

- Sắp đặt các chi tiết về tài chính trên các trang web và mạng xã hội với những người cực đoan và bối cảnh cực đoan.

- Các khoản thanh toán cho thấy tài khoản có thể được sử dụng để gây quỹ từ thiện.

- Nguồn tiền lớn và đa dạng (ví dụ: chuyển tiền qua ngân hàng, thẻ tín dụng và tiền mặt từ các địa điểm khác nhau) được sử dụng để cung cấp tiền cho cùng một ví điện tử.

- Nhiều tài khoản ngân hàng từ các ngân hàng tại các thành phố khác nhau được sử dụng để chuyển tiền vào cùng một tài khoản. Các tài khoản trực tuyến liên kết với các cá nhân có liên quan đến các cuộc tấn công khủng bố bằng tên, thẻ tín dụng, địa chỉ, thư điện tử và các tập tin trên máy tính (ví dụ như các tài khoản đã được sử dụng để mua trực tuyến các bộ phận điện tử và thẻ di động trả trước).

Thẻ trả trước

Thẻ trả trước là thẻ được nạp một số tiền hoặc giá trị điện tử cố định. Những thẻ trả trước có thể nạp lại với mục đích chung được liên kết với một tài khoản ngân hàng thường tuân thủ quy trình thẩm định khách hàng. Tương tự như các sản phẩm ngân hàng như thẻ ghi nợ, các sản phẩm này có thể được sử dụng cho các mục đích TTKB để rút tiền tại các máy ATM ở các vùng lãnh thổ có rủi ro cao. Ngoài ra, dưới đây là một vài dấu hiệu cụ thể cũng có thể thích hợp với các thẻ trả trước dựa vào tài khoản:

- Thẻ trả trước nước ngoài được phát hành ở các vùng lãnh thổ có rủi ro cao.
- Đăng ký nhiều thẻ trả trước cho các thành viên trong gia đình khi đến một vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao.
- Sử dụng chuyển tiền từ thẻ-đến-thẻ đến/từ một vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao.
- Kiểm tra giao dịch trực tuyến từ một địa chỉ IP ở sát khu vực có rủi ro cao.
- Cố gắng giao dịch vượt số tiền trả trước bởi một người không có vẻ biết về số tiền được nạp, vì vậy người đó có thể không phải là chủ thẻ ban đầu.

Đối với những thẻ trả trước dựa trên tài khoản phi ngân hàng, do những nhà bán lẻ bán, thường cần phải nhận dạng khi vượt ngưỡng số tiền tối đa hoặc giới hạn về thời gian nạp lại. Những thẻ này có thể được nạp ở trong nước qua các phương pháp điện tử bằng tiền mặt và được đưa ra nước ngoài một cách kín đáo. Khi đến một quốc gia có rủi ro cao hoặc quốc gia quá cảnh để TTKB, thì số tiền đó được chuyển trở lại thành tiền mặt bằng cách rút tiền từ các máy ATM ở nước ngoài.

- Sử dụng thẻ trả trước đã đăng ký dưới danh tính giả hoặc tên của người khác để mua bán trên Internet.

- Thẻ được nạp trực tuyến qua các phương pháp thanh toán nặc danh (ví dụ: phiếu mua hàng đã được trả trước bằng tiền mặt, số tiền mặt rút qua ATM, ví điện tử).

Mở các thẻ trả trước với nhiều tính năng có thương hiệu trên mạng do các nhà bán lẻ bán với một giới hạn nạp lại nhỏ mà không cần phải nhận dạng, đây là loại thẻ trả trước đáng quan tâm nhất.

- Mua nhiều thẻ trả trước không yêu cầu nhận dạng, mặc dù với mức phí cao hơn thẻ trả trước có ngưỡng cao hơn nhưng phải có giấy tờ nhận dạng.

- Kết hợp giữa đổi tiền và nhiều thẻ trả trước.

- Nhiều tiền mặt nạp vào thẻ ghi nợ trả trước có thể nạp lại được do đối tượng có liên quan đến khung bố thực hiện.

Nền tảng gây quỹ đám đông (Crowdfunding platform)

Crowdfunding platform có thể bị lạm dụng cho các mục đích TTKB bằng cách góp tiền trên Internet, tạo ra nhiều phương pháp thanh toán để gửi tiền quốc tế. Về lý tưởng, mỗi cá nhân đăng ký gây quỹ trên một crowdfunding platform có thể được quét trên các danh sách trừng phạt tài chính mục tiêu và phương tiện truyền thông mở.

- Số tiền lớn được thu thập từ một vài thành viên tham gia.

- Dự án nhỏ thu thập tiền từ các cá nhân có liên quan với nhau trong đời sống thực (ví dụ: các thành viên của một NPO nhỏ trong nước, vùng lân cận), mặc dù phí tham gia vào crowdfunding platform cao.

- Các khoản thanh toán được gửi từ vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao.

- Có thể lạm dụng chiến dịch gây quỹ từ thiện.

- Các nhà quản lý dự án sử dụng các tài khoản ngân hàng không có liên kết về mặt địa lý với dự án được quảng cáo.

- Crowdfunding platform có các dự án/mục đích liên quan đến chủ nghĩa cực đoan quá khích hoặc thuyết cấp tiến

Ngoài ra, còn cần lưu ý nếu ngân hàng phát hiện dịch vụ cung ứng gắn với các chỉ dấu liên quan đến hệ thống chuyển tiền Hawala và các nhà cung cấp dịch vụ tương tự khác

Hawala là một phương thức chuyển tiền mà tiền không thực sự di chuyển. Định nghĩa của Interpol về Hawala là "chuyển tiền mà tiền không cần di chuyển". Hawala là một kênh chuyển tiền hoạt động bên ngoài hệ thống ngân hàng truyền thống. Giao dịch giữa các nhà môi giới Hawala được thực hiện mà không có giấy giao nhận vì hệ thống này chủ yếu dựa trên sự tin tưởng và cân bằng sổ sách của các nhà môi giới Hawala.

Hệ thống Hawala cung cấp tính ẩn danh cho các giao dịch của mình, vì không có các sổ sách chính thức và nguồn tiền được chuyển không thể truy tìm được. Ngoài ra, các chính trị gia tham nhũng và kẻ giàu có muốn trốn thuế sử dụng hệ thống Hawala để che giấu tài sản và các hoạt động của họ. Vì tiền trong hệ thống Hawala không được chuyển qua ngân hàng và do đó không chịu các quy định bởi các cơ quan chính phủ và cơ quan tài chính.

Những đặc điểm khiến hệ thống chuyển tiền Hawala hấp dẫn đối với những khách hàng hợp pháp cũng khiến nó trở nên hấp dẫn đối với các hoạt động bất hợp pháp. Do đó, hệ thống chuyển tiền Hawala thường được gọi là ngân hàng ngầm. Điều này là do những kẻ và khủng bố lợi dụng hệ thống này để chuyển tiền từ địa điểm này sang địa điểm khác.

FATF cũng nhấn mạnh việc sử dụng các mạng lưới Hawala của tội phạm và vai trò của các cá nhân khác nhau như vai trò là người kiểm soát. Người kiểm soát (cũng được gọi là nhà môi giới tiền tệ ở một số vùng lãnh thổ) đưa ra dịch vụ rửa tiền trên toàn cầu và cung cấp cho tội phạm một điểm liên lạc trung tâm và phối hợp nhằm phục vụ các yêu cầu của họ. Khách hàng là kẻ phạm tội nói với người kiểm soát, người mà sẽ giao tiền và địa điểm nơi tiền sẽ được thanh toán.

Một số phương thức được xác định là nên xem xét có các dấu hiệu rủi ro liên quan như sau:

- Sử dụng MVTTS địa phương thông đồng với ngân hàng và chuyển tiền cho bên thứ ba hoặc vào tài khoản do người kiểm soát chỉ định.
- Thay mặt cho người kiểm soát nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng để hoàn thành những khoản chuyển tiền riêng biệt.
- Sự di chuyển của tiền mặt (tiền buôn lậu) bằng người đưa thư, vận chuyển bằng tàu, máy bay, xe lửa hoặc giấu trong hàng hóa.

3.1.3. Dấu hiệu TTKB liên quan đến vị trí địa lý

Trong đánh giá, nhận biết giao dịch đáng ngờ về TTKB qua hệ thống ngân hàng, các vấn đề về vị trí địa lý luôn cần được xem xét. Thông tin về vị trí địa lý được xác định trong quá trình thực hiện nhận biết khách hàng là thông tin quan trọng trong việc xác định giao dịch có dấu hiệu về TTKB hay không.

Các thông tin về vị trí địa lý cần xem xét trong quá trình đánh giá dấu hiệu liên quan đến rủi ro về địa lý: Rủi ro về địa lý gắn liền với nguồn gốc, các nước đến và các nước quá cảnh cần phải được chú ý xem xét khi đánh giá những rủi ro về TTKB. Điều này bao gồm cả rủi ro gắn liền với người khởi tạo giao dịch và người thụ hưởng có thể liên kết với vùng lãnh thổ hoặc khu vực có rủi ro cao. Rủi ro địa lý cũng có thể được áp dụng với quốc tịch, nơi cư trú hay địa điểm kinh doanh của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch.

Một số vùng, lãnh thổ hoặc khu vực có rủi ro cao như:

- Vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao và không ổn định, có chiến tranh, là nơi mà các tổ chức khủng bố hoạt động.
- Các khu vực có liên kết với các tổ chức khủng bố hay cùng chung biên giới với lãnh thổ do các tổ chức khủng bố kiểm soát.

- Các quốc gia nơi các quỹ và tài sản khác được hình thành cho các hoạt động khủng bố hay các tổ chức khủng bố bất chấp địa điểm nơi mà các cuộc tấn công này xảy ra (ví dụ như người khởi tạo việc chuyển tiền/quỹ).

- Các vùng lãnh thổ/khu vực là nơi quá cảnh hay đã có các luồng tiền chuyển vào từ nơi/đến những kẻ được biết đến là khủng bố nước ngoài (FTF)

- Các nước trong danh sách cấm vận nêu tại các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc;

- Vùng lãnh thổ có sự thiếu hụt về chiến lược chống rửa tiền, chống TTKB, khuôn khổ thể chế yếu kém, là những nơi không tuân thủ các chuẩn mực của FATF (bao gồm cả những nơi đã được xác định công khai bởi FATF) hay những nơi bất hợp tác về các vấn đề chống TTKB.

- Quốc gia hoặc vùng, lãnh thổ được nhận định là nguồn, tuyến đường có nhiều hoạt động ma túy, tham nhũng, rửa tiền.

- Các quốc gia chưa thực hiện tiêu chuẩn thuế được quốc tế thống nhất...

Các Ngân hàng cần phải có một danh sách xác định các rủi ro về vị trí địa lý đối với danh mục khách hàng của mình và phải cập nhật ít nhất mỗi năm một lần và phải phản ánh mọi thay đổi. Rủi ro về vị trí địa lý là một yếu tố quan trọng để xác định mức độ thẩm định cần thiết đối với khách hàng.

Ngoài ra, rủi ro về địa lý có thể bao gồm cả việc sử dụng dịch vụ chuyển tiền của tổ chức tài chính, song song với dịch vụ thanh toán thông thường cũng như hoạt động kinh doanh của công ty sở hữu bởi gia đình cung cấp dịch vụ chuyển tiền điện tử thông qua mạng lưới không chính thức. Cần cố gắng khai thác một số dấu hiệu rủi ro thích hợp gắn kết với các dịch vụ chuyển tiền giá trị mà các dịch vụ này bao gồm cả trường hợp xếp loại độc lập dựa theo các dấu hiệu gắn liền với các sản phẩm hay dịch vụ. Dưới đây là ví dụ về các dấu hiệu liên quan đến rủi ro về vị trí địa lý:

- Nhiều cá nhân gửi các khoản tiền cho một người thụ hưởng tại vùng lãnh thổ có rủi ro cao.

- Các giao dịch chuyển tiền trong phạm vi các khu vực có rủi ro cao hay chuyển từ khu vực có rủi ro cao đến các cá nhân không có liên quan, có mối quan hệ gia đình không rõ ràng.

- Chuyển tiền đến vùng lãnh thổ/khu vực có rủi ro cao mà những nơi này không phù hợp với các giao dịch kinh doanh với nước ngoài của khách hàng.

- Người gửi tiền và người thụ hưởng không có mối quan hệ với quốc gia nơi mà anh ấy/cô ấy sẽ gửi hay nhận tiền và không có căn cứ để giải thích tại sao tiền lại được gửi hoặc nhận được từ những nước đó (đặc biệt khi người nhận là công dân nước ngoài).

- Một khách hàng gửi các quỹ đến nhiều người thụ hưởng tại vùng lãnh thổ có rủi ro cao.

- Người gửi tiền yêu cầu cụ thể rằng tiền gửi phải là loại ngoại tệ mạnh mà không phải đồng tiền bản tệ.

- Các khoản tiền chuyển qua biên giới có giá trị thấp với tần suất cao tới/hay từ các cá nhân không liên quan.

- Gửi tiền/nhận tiền tới/từ một đối tác bởi các cá nhân những người dường như hoạt động độc lập (ví dụ, cũng đề cập như một “mạng lưới người tiêu dùng” nhằm miêu tả một số cá nhân có liên hệ bởi các đối tác phổ biến).

- Khoản thanh toán từ nước ngoài, với nội dung giao dịch là khoản viện trợ, biếu tặng, khoản cho vay... và rút vốn bằng tiền mặt, hay chuyển tiền ngay đến một tài khoản khác.

- Các khoản tiền lớn được trả vào tài khoản của sinh viên mở ở nước ngoài bởi các thành viên trong một gia đình hay một tổ chức không liên quan.

- Các khách hàng cư trú tại hoặc liên quan tới vùng lãnh thổ có rủi ro cao.

- Các khách hàng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng qua mạng (Internet banking online) từ những địa chỉ IP trong khu vực địa lý có xung đột hay từ địa chỉ không kết nối được với hồ sơ nhận biết khách hàng.

- Khách hàng sử dụng hệ thống Internet được nhận dạng có khoảng cách đáng kể giữa nơi cư trú và nơi đặt địa chỉ IP
- Khách hàng có những khoản chi tiêu đáng kể tại nước ngoài qua tài khoản mới mở gần đây.
- Người thụ hưởng luôn cung cấp một địa chỉ của một khách sạn tại vùng hấp dẫn khách du lịch như là địa chỉ cá nhân của người đó.
- Các dấu hiệu cho thấy khách hàng đã đi du lịch (hoặc thường xuyên đi du lịch) tới những vùng lân cận quanh khu vực bị xung đột với tiền mặt mang theo người.
- Nhiều tài khoản cá nhân hoặc doanh nghiệp nằm trong một khu vực địa lý nhận nhiều khoản tiền gửi bằng tiền mặt, thường với số tiền dưới ngưỡng báo cáo tiền mặt và từ đó tiền được rút tại một địa chỉ khác trong khoảng thời gian ngắn.

3.1.4. Dấu hiệu TTKB liên quan đến khách hàng là các tổ chức phi lợi nhuận

Mặc dù không phải tất cả các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) đều có rủi ro về TTKB, tuy nhiên thực tế cho thấy tổ chức khủng bố có thể lợi dụng TCPLN nhằm cung cấp tiền, tài sản và khai thác mạng lưới của TCPLN để thực hiện TTKB trên phạm vi quốc tế. Do đó khi khách hàng, hoặc cá nhân, tổ chức liên quan đến khách hàng của ngân hàng là các NPO thì các ngân hàng cũng cần lưu ý đến các dấu hiệu TTKB liên quan đến khách hàng là các tổ chức phi lợi nhuận.

Các dấu hiệu tiêu biểu có thể chia thành 4 nhóm bao gồm: Quyên góp, Chi tiêu, Giao dịch và Ban điều hành TCPLN.

Quyên góp

- Tài khoản của một NPO nhận được quyên góp giá trị lớn từ một tổ chức hoặc công ty nước ngoài, đặc biệt trong trường hợp không có mối quan hệ rõ ràng.

- Số lượng các khoản tiền có mệnh giá nhỏ được gửi vào tài khoản của NPO đang tăng lên nhưng không có lý do rõ ràng.

- Số tiền tích lũy lớn và không được biện minh đầy đủ, đặc biệt nếu chủ yếu là tiền mặt.

- Nhiều khoản tiền mặt gửi vào một tài khoản cá nhân (hoặc một điều kiện cho thấy tiền mặt phải được chuyển đến một cá nhân ở một quốc gia có rủi ro cao) được mô tả là “quyên góp” hoặc “đóng góp cho viện trợ nhân đạo” hoặc các từ tương tự.

- Tỷ lệ quyên góp/tài sản cao chuyển cho một NPO đến từ hoặc chuyển đến các bang nước ngoài không tương ứng với địa vị tài chính của nhà tài trợ.

- Nhiều khoản quyên góp được chuyển từ một cá nhân không có thật đến một NPO.

- Một cá nhân nhận được khoản quyên góp qua tài khoản ngân hàng cho mục đích từ thiện và chuyển tiền cho các tổ chức có liên kết với TTKB qua các phương tiện truyền thông điện tử.

- Quyên góp cho một NPO chỉ dự định cho rất ít người hưởng lợi.

- Các khoản tiền gửi sử dụng kết hợp các công cụ tiền tệ không thông dụng đối với một hoạt động kinh doanh hợp pháp.

- Các NPO hoạt động ở những khu vực xung đột nhận được quyên góp từ các công ty (có các mối quan tâm đến kinh doanh trong những khu vực này) chuyển trực tiếp vào tài khoản hoặc qua một loạt các giao dịch chia nhỏ. Những khoản tiền này có thể liên quan đến các tổ chức khủng bố tổng tiền các công ty qua NPO.

Chi tiêu

- Các tổ chức không có ý định cung cấp từ thiện nhân đạo, thay vào đó họ gửi tiền đến các vùng lãnh thổ có rủi ro cao.

- Sử dụng tiền không rõ ràng cho việc chi tiêu không liên quan đến hoạt động của một NPO.

- Các giao dịch nêu mục đích xây dựng cơ sở cho một NPO, đặc biệt nếu người hưởng lợi là một cá nhân có vẻ như không liên quan đến dự án và không thể có mối liên kết với doanh nghiệp xây dựng.

- Sử dụng các tổ chức từ thiện để bán hàng.

- Thanh toán hàng hóa do một bên thứ ba thực hiện, không phải là người nhập khẩu.

Giao dịch

- Các giao dịch được thực hiện trên tài khoản của một NPO không nhất quán với phương thức và quy mô của mục đích hoặc hoạt động của NPO.

- Các giao dịch do NPO thực hiện không tương xứng với hoạt động do người hưởng lợi/người tài trợ khai báo.

- Các giao dịch với những luồng tiền lớn trong một khoảng thời gian ngắn và liên quan đến một vài NPO có mối liên kết không hợp lý, ví dụ như cùng một địa chỉ, người đại diện hoặc nhân viên hoặc nhiều tài khoản có cùng tên lặp lại nhiều lần.

- Chuyển phần lớn các khoản tiền quyên góp đến các khu vực địa lý thường xuyên có các hoạt động liên quan đến TTKB.

- Các giao dịch được yêu cầu với các đối tác đã được chỉ định trong các danh sách hoặc là các tổ chức có liên quan đến các hoạt động TTKB.

- Một cá nhân gửi tiền vào nhiều tài khoản (do cá nhân này là chủ tài khoản) và yêu cầu chuyển tiền ra nước ngoài cho chính cá nhân này với mục đích quyên góp.

- Các thể nhân đóng góp tiền mặt nhiều lần vào tài khoản của một NPO và sau đó tiền được chuyển vào các tài khoản của các thể nhân và pháp nhân.

- Chỉ có các hoạt động gửi tiền và rút tiền mặt phát sinh trên tài khoản của NPO.

Ban điều hành NPO và nhân viên khác

- Tài khoản nhận được tiền từ các NPO và tổ chức gây quỹ mới thành lập (các tổ chức có thể thay đổi/cập nhật thông tin nhận dạng trong thời gian gần đây).

- Các lệnh chuyển tiền có giá trị lớn được chuyển vào tài khoản của những người thành lập NPO (hoặc các cá nhân khác liên quan đến NPO như ban điều hành hoặc thủ quỹ), các giao dịch tiền mặt trên các tài khoản của người thành lập NPO được thực hiện liên tục.

- Các nguồn tài chính của NPO được chuyển vào tài khoản của các thể nhân.

- Các chi tiết không đầy đủ về người khởi tạo giao dịch ủng hộ NPO hoặc các cá nhân có liên quan đến tổ chức.

- Người đứng đầu (hoặc nhân viên) của NPO biển thủ quỹ, ví dụ như quỹ được rút trước khi chuyển đến khu vực xung đột.

- Tài khoản ngân hàng của người điều hành hoặc những người thầu, những người đang hoạt động ở khu vực xung đột, có thể đang trả khoản tổng tiền/tiền chuộc cho các tổ chức khủng bố để theo đuổi lợi ích kinh doanh hoặc tổng tiền thay mặt cho các tổ chức khủng bố.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Xây dựng Danh sách các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTKB tại từng đơn vị

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, sự phát triển của khoa học, công nghệ cùng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, dẫn đến sự ra đời của nhiều loại hình sản phẩm công nghệ mới và chuẩn mực quốc tế về PCKB yêu cầu các quốc gia đặc biệt lưu ý về các rủi ro TTKB mà các sản phẩm này có thể mang lại. Mặt khác, tình hình KB trên thế giới ngày càng trở nên phức tạp, trong nước các tổ chức phản động lưu vong người Việt chưa từ bỏ âm mưu, hoạt động KB

vào trong nước, nên Việt Nam cần phải tiếp tục có các biện pháp hiệu quả nhằm PCKB nói chung và TTKB nói riêng.

Bên cạnh các dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến rửa tiền đã được nêu cụ thể tại Luật PCRT 2022 có thể được áp dụng chung cho phát hiện cả RT/TTKB, các cơ quan có thẩm quyền, có trách nhiệm trong công tác PCKB/TTKB cần đưa ra các hướng dẫn về dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTKB. Đồng thời, các đối tượng báo cáo cần có sự đánh giá nghiên cứu để xác định các dấu hiệu có ảnh hưởng đến công tác PCKB nói chung và TTKB nói riêng của mình.

Tham khảo các dấu hiệu cụ thể đề cập tại điểm 3.1, từng đối tượng báo cáo trong ngành Ngân hàng cần xây dựng các dấu hiệu gắn với sản phẩm dịch vụ, khách hàng, khu vực kinh doanh của mình để triển khai trên toàn hệ thống. Thường xuyên cập nhật danh sách dấu hiệu đáng ngờ liên quan đến TTKB phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị, tập khách hàng, tình hình KB trong khu vực liên quan...

3.2.2. Tổ chức thực hiện nhận diện TTKB qua hoạt động ngân hàng

Để tăng cường công tác phòng, chống TTKB trong hệ thống ngân hàng, các ngân hàng thương mại cần tăng cường thực hiện các giải pháp sau đây:

- Đào tạo và nâng cao nhận thức: Các ngân hàng cần được đào tạo để có đủ thông tin về TTKB và biết cách nhận diện các dấu hiệu đáng ngờ liên quan tới TTKB, thực hiện đầy đủ báo cáo và các biện pháp phòng ngừa theo quy định của pháp luật

- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tích cực hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước: Ngân hàng cần phải ban hành các quy định nội bộ để triển khai quy định pháp luật về phòng, chống TTKB đồng thời có cơ chế hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý và cơ quan thực thi pháp luật để đảm bảo rằng các biện pháp phòng, chống TTKB được thực thi một cách hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; rà soát khách hàng theo danh sách

đen, cập nhật thông tin từ danh sách đen; Công tác theo dõi, giám sát, ngăn chặn các giao dịch tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan đến khủng bố; giám sát các giao dịch tiền, tài sản có mức giá trị phải báo cáo theo quy định của pháp luật nhằm kịp thời phát hiện giao dịch có dấu hiệu liên quan đến khủng bố; có biện pháp nâng cao hiệu quả phát hiện các giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ, thực hiện báo cáo cơ quan chức năng và các quy định khác tại Luật Phòng, chống rửa tiền; kịp thời áp dụng các biện pháp tạm thời và xử lý vi phạm theo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền; các biện pháp tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, TTKB theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin: Hoạt động TTKB ngày càng bị tác động bởi tiến bộ công nghệ. Do đó, các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (big data) phải được ứng dụng để có thể theo dõi và phát hiện các hoạt động TTKB, tự động phát hiện các giao dịch đáng ngờ một cách hiệu quả hơn.

- Tăng cường sự trách nhiệm tại cấp lãnh đạo: Sự cam kết của lãnh đạo ngân hàng đối với công tác phòng, chống TTKB là yếu tố quan trọng, đảm bảo rằng toàn bộ tổ chức áp dụng các biện pháp phòng, chống TTKB và tuân thủ các quy định.

- Giám sát các giao dịch tiền ảo, tài sản ảo: Với sự phát triển của tiền ảo ảo, tài sản ảo và thực tiễn hoạt động TTKB thời gian qua, ngân hàng cần kiểm tra và theo dõi các giao dịch liên quan đến tiền ảo ảo, tài sản ảo để ngăn chặn TTKB thông qua các kênh này.

- Hợp tác quốc tế: TTKB là hoạt động thường diễn ra xuyên biên giới quốc gia, vì vậy ngân hàng cần hợp tác chặt chẽ với các ngân hàng đối tác và cơ quan quản lý của quốc gia mình và các quốc gia khác để chia sẻ thông tin và thông báo về các hoạt động đáng ngờ. Việc chia sẻ thông tin và hợp tác trong việc theo dõi, ngăn chặn TTKB trên toàn cầu sẽ giúp hệ thống tài chính trở nên bền vững và khó bị lợi dụng hơn đối với các tổ chức khủng bố.

3.2.3. Tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp PCKB/TTKB qua hoạt động ngân hàng

- Xây dựng phương án, quy trình tổ chức diễn tập, báo cáo theo các kịch bản, tình huống đảm bảo khả năng sẵn sàng đối phó, xử lý, khắc phục hậu quả khi có tình huống khủng bố, dấu hiệu TTKB xảy ra.

- Thực hiện thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống khủng bố, TTKB. Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm, kiến thức phòng, chống khủng bố cho cán bộ ngành ngân hàng, bao gồm: nguy cơ, diễn biến, tình hình khủng bố, thủ đoạn, phương thức hoạt động, tính chất nguy hiểm, tác hại của khủng bố, biện pháp phòng, chống khủng bố, kinh nghiệm phòng, chống khủng bố trong các tình huống cụ thể, chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố...

- Tăng cường công tác phòng ngừa khủng bố, phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an nhằm đảm bảo an ninh, trật tự như kiểm tra, kiểm soát, giám sát người ra vào cơ quan, các địa điểm giao dịch, xe chở tiền, địa điểm tiếp dân, kho tiền, nhà máy in tiền quốc gia,... Tình hình triển khai công tác phòng, chống khủng bố, đặc biệt là các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ các mục tiêu quan trọng, công tác bảo vệ nội bộ để ngăn ngừa các đối tượng khủng bố từ bên trong.

- Xây dựng hệ thống giám sát an ninh vật lý và hệ thống an toàn thông tin, dự phòng thảm họa cho các hệ thống thông tin quan trọng, có phương án sao lưu dự phòng cho các thông tin dữ liệu quan trọng của đơn vị, phương án đảm bảo hoạt động liên tục của bộ phận tin học của đơn vị, đảm bảo kiểm tra, kiểm soát theo dõi chặt chẽ các giao dịch, hành vi bất thường, các cuộc tấn công mạng vào hệ thống của đơn vị, kiểm soát người ra vào tại các phòng giao dịch, các phòng làm việc, kho, kết tại trụ sở, các xe chở tiền, các máy ATM... đảm bảo an ninh, bảo mật hệ thống thông tin, mạng Internet, máy tính, các thiết bị, công cụ làm việc... tránh khả năng bị lợi dụng thực hiện hành vi khủng bố.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt các quy định về phòng, chống cháy nổ để kịp thời xử lý, đảm bảo an toàn về người, tài sản của cơ quan, đơn vị, ngăn

chặn hành vi khủng bố hoặc lợi dụng cháy nổ để tiến hành tiếp các hoạt động khủng bố.

- Trong hầu hết các trường hợp, rất khó nhận dạng hành vi liên quan đến TTKB nếu không có thông tin bổ sung từ các cơ quan có thẩm quyền. Thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền thường bao gồm các cảnh báo hoặc vụ việc cụ thể. Trong một số trường hợp, các cơ quan có thẩm quyền thường không thể trao đổi thông tin cụ thể với các tổ chức tài chính về những cá nhân/tổ chức có liên quan đến cuộc điều tra về TTKB cho đến khi quá trình điều tra kết thúc. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu về việc tạo cơ chế chia sẻ thông tin hoặc thiết lập các đường dây nóng để phát hiện, ngăn chặn các hành vi khủng bố kịp thời.

Nhìn chung công tác PCKB/TTKB tại Việt Nam thời gian qua đã đạt được những thành tựu đáng kể trên tất cả các phương diện từ hệ thống pháp luật đến việc hình thành và triển khai cơ chế thực thi cũng như hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tội phạm, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về KB/TTKB, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam đã có những bước tiến cụ thể trong việc đặt ra các quy định và nghĩa vụ cụ thể để ngăn chặn TTKB và đảm bảo an ninh quốc gia, đặc biệt trong hệ thống ngân hàng.

Tuy nhiên trước những thách thức về tình hình khủng bố trong thời gian gần đây, cùng với việc xác định TTKB là tiền đề dẫn tới khủng bố, là một nguy cơ lớn đối với an ninh toàn cầu và sự ổn định kinh tế - xã hội việc nhận thức và đưa ra các hướng dẫn để nhận diện các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ liên quan đến KB/TTKB và tổ chức thực hiện công tác nhận diện các dấu hiệu này là rất quan trọng để thực hiện có hiệu quả công tác PCKB nói chung và TTKB nói riêng trong ngành Ngân hàng. Đây là công việc mới và rất khó khăn, lại không ngừng thay đổi gắn với những thay đổi về tình hình an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội của toàn cầu nên rất cần nhận được sự quan tâm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đối tượng báo cáo. Nội dung Đề tài theo đó hi vọng sẽ góp một phần nhỏ bé vào công cuộc PCKB/TTKB của ngành Ngân hàng và của cả quốc gia.

